

Luan, Mai

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 3 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Ông Nguyễn Văn Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 516/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thúy An, sinh năm 1998; số CCCD: 096198004587; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Thành A, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trương Trường Giang, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp Tân Thành, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Phụng; địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.2. Ông Huỳnh Văn Puôl; địa chỉ: Ấp Tân Thành A, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.3. Bà Thiều Thị Hà; địa chỉ: Ấp Tân Thành A, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.4. Bà Nguyễn Mỹ Duyên; địa chỉ: Ấp Tân Thành A, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.5. Ông Nguyễn Minh Luân, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp Tân An Ninh A,

xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.6. Bà Lê Kiều Oanh; địa chỉ: Ấp Tân Thành A, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.7. Bà Huỳnh Thị Đẹp; địa chỉ: Ấp Tân Thành A, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.8. Bà Huỳnh Thị Liễu; địa chỉ: Ấp Tân Thành A, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.9. Ông Huỳnh Văn Khởi; địa chỉ: Ấp Tân Thành A, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.10. Bà Đoàn Thị Diện, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Tân Thành A, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.11. Bà Nguyễn Thị Tiếng; địa chỉ: Ấp Tân An Ninh A, xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.12. Ông Trương Văn Tiến; địa chỉ: Ấp Tân Thành, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.13. Bà Dương Thị Hận, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp Tân Thành, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.14. Chị Trương Thu Giang, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp Tân Thành, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.15. Chị Trương Mộng Nghi; Địa chỉ: Ấp Tân Điền A, xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.16. Chị Trương Ánh Phụng; Địa chỉ: Ấp Tân Thành, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.17. Anh Trương Hoàng Nhân; Địa chỉ: Ấp Tân Thành, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

1.18. Chị Lý Thị Mỹ Xuyên; Địa chỉ: Ấp Rạch Mũi, xã Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

1.19. Bà Trịnh Kim Vui, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp Tân An Ninh A, xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị An trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Giang chung sống năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (nay là xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây giữa hai vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường cự cãi dẫn đến có những lời lẽ xúc phạm nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể hàn gắn, không có sự

cảm thông, chia sẻ và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh Giang.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trương Gia Bảo (nam), sinh ngày: 28/11/2016 và Trương Gia Huy (nam), sinh ngày: 22/10/2019. Hiện tại, đang sống cùng với chị An. Khi ly hôn chị An yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Trương Gia Bảo và Trương Gia Huy, đồng thời yêu cầu anh Giang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả hai cháu, cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Có 01 chiếc xe cuốc mang số hiệu Ex60. Hiện tại xe cuốc do anh Giang đang quản lý, sử dụng. Giá trị xe cuốc hiện tại còn lại khoảng 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Khi ly hôn, chị yêu cầu được phân chia mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$, chị An yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị xe cuốc tương đương 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), giao xe cuốc cho anh Giang tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Về nợ chung:

- + Nợ bà Huỳnh Thị Đẹp số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);
- + Nợ bà Huỳnh Thị Liễu số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);
- + Nợ bà Nguyễn Thị Tiếng số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng);
- + Nợ ông Huỳnh Văn Khởi số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng);
- + Nợ ông Trương Văn Tiến số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);
- + Nợ bà Đoàn Thị Diện số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);
- + Nợ bà Nguyễn Thị Phụng số tiền hui chết là 101.000.000 đồng;
- + Nợ ông Huỳnh Puôl số tiền hui chết là 59.000.000 đồng;
- + Nợ bà Thiều Thị Hà số tiền hui chết 24.000.000 đồng;
- + Nợ bà Nguyễn Mỹ Duyên số tiền hui chết là 105.000.000 đồng;
- + Nợ bà Lê Kiều Oanh số tiền hui chết là 6.000.000 đồng;
- + Nợ ông Nguyễn Minh Luân số tiền hui chết 116.000.000 đồng.
- + Nợ bà Dương Thị Hận số tiền 20.000.000 đồng;
- + Nợ chị Trương Thu Giang số tiền 150.000.000 đồng;
- + Nợ chị Trương Mộng Nghi số tiền 23.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k;
- + Nợ bà Trương Ánh Phụng số tiền 30.000.000 đồng;
- + Nợ ông Trương Hoàng Nhân số tiền 27.000.000 đồng;
- + Nợ tiền sữa chữa phà của Lý Thị Mỹ Xuyên số tiền 35.000.000 đồng.

Đối với các khoản tiền nợ nêu trên, chị An xác định đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Mục đích mượn tiền và hốt các dây hui hoàn toàn nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình, chi tiêu trong đời sống hằng ngày, chăm lo cho các con ăn học, đồng thời phần lớn số tiền sử dụng để mua chiếc xe cuốc hiệu EX60 là tài sản chung của vợ chồng. Khi ly hôn phần nợ đối với nợ bà Diện, bà Tiếng, bà Oanh, bà Phụng, bà Đẹp, bà Liễu, ông Khởi, ông Puôl và bà Duyên chị An chịu trách nhiệm trả; các khoản nợ còn lại anh Giang chịu



trách nhiệm trả, số nợ chị Giang chị xác định chỉ nợ số tiền là 150.000.000 đồng chứ không có nợ 10 chỉ vàng 24k, nợ bà Hận là 20.000.000 đồng chứ không phải 33.000.000 đồng. Nợ bà Phụng 30.000.000 đồng là đúng. Đối với khoản nợ hụi của ông Luân 116.000.000 đồng chị đồng ý cùng anh Giang mỗi người có nghĩa vụ trả 1/2.

** Bị đơn anh Giang trình bày:*

Về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị An trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn như chị An trình bày là không đúng, anh nghi ngờ chị An không chung thủy nên có xảy ra bất hòa và không thể hàn gắn được. Giữa anh và chị An đã ly thân khoảng 2 tháng nay. Qua yêu cầu khởi kiện của chị An anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như chị An trình bày là đúng. Khi ly hôn anh Giang đồng ý giao 02 con cho chị An nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/tháng/2 con cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Có 01 chiếc xe cuốc như chị An trình bày là đúng. Anh đồng ý giao cho chị An ½ giá trị xe cuốc bằng 150.000.000 đồng, anh xin hưởng hiện vật.

Về nợ: Các khoản nợ chị An đặt ra gồm: nợ bà Đẹp, nợ bà Liễu, nợ bà Tiếng, nợ ông Khởi, nợ ông Tiến, nợ bà Diện, nợ bà Phụng, nợ ông Puôl, nợ bà Hà, nợ bà Duyên, nợ bà Oanh, nợ ông Luân, nợ bà Phụng, nợ anh Nhân và nợ chị Xuyên là đúng. Tuy nhiên, đối với nợ bà Dương Thị Hận số tiền 33.000.000 đồng, nợ chị Trương Thu Giang số tiền 130.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k; nợ chị Trương Mộng Nghi số tiền 23.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k; nợ bà Trương Ánh Phụng số tiền 30.000.000 đồng; nợ ông Trương Hoàng Nhân số tiền 27.000.000 đồng; nợ tiền sữa chữa phà của Lý Thị Mỹ Xuyên số tiền 35.000.000 đồng.

Khi ly hôn anh thống nhất anh sẽ đứng ra trả cho bà Hận, chị Thu Giang, chị Mộng Nghi, ông Tiến, bà Phụng, anh Nhân và chị Mỹ Xuyên; các khoản nợ chị An nhận trách nhiệm trả anh thống nhất. Nợ của ông Luân anh đồng ý cùng chị An mỗi người có nghĩa vụ trả 1/2.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phụng trình bày:* Bà có làm chủ hụi, các giao dịch hụi chị An nêu ra do mẹ chị An là bà Diện trực tiếp tham gia, tên theo danh sách hụi là Luân (chồng của bà Diện và là cha của chị An). Bà xác định chị không có giao dịch hụi với chị An và anh Giang, đối với mẹ chị An là bà Diện đến thời điểm này vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ đóng hụi. Trường hợp bà Diện vi phạm nghĩa vụ thì bà sẽ khởi kiện đối với bà Diện mà không khởi kiện đối với chị An và anh Giang. Chị xin được từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Luân trình bày:*

Qua trình bày của chị An về giao dịch hụi giữa ông với chị An và anh Giang là đúng. Số tiền hụi chết anh Giang và chị An còn nợ đến khi mãn hụi là 116.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu anh Giang và chị An mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông $\frac{1}{2}$ số nợ hụi trên.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Diện trình bày:*

Bà là mẹ ruột của chị An, bà có đứng ra đóng hụi thay cho chị An và anh Giang, số tiền đóng hụi thay là 10.000.000 đồng. Hiện tại bà chưa có yêu cầu khởi kiện đối với anh Giang và chị An, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Tiến trình bày:*

Anh Giang và chị An có nợ ông số tiền 30.000.000 đồng. Do anh Giang và chị An đã thỏa thuận được việc anh Giang chịu trách nhiệm trả nợ cho ông nên ông không khởi kiện anh Giang và chị An trong vụ án này. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp ông sẽ khởi kiện đối với anh Giang. Ông xin được từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Hận trình bày:*

Bà xác định anh Giang và chị An nợ bà số tiền 33.000.000 đồng chứ không phải số tiền 20.000.000 đồng như chị An trình bày. Bà không yêu cầu khởi kiện anh Giang và chị An trong vụ án này, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trương Ánh Phụng trình bày:*

Anh Giang và chị An có tham gia hụi do chị làm chủ, số tiền hụi anh Giang và chị An còn nợ là 40.000.000 đồng, đã thống nhất trừ cán một phần với bà Hận thì anh Giang và chị An còn nợ khoản 10.000.000 đồng. Chị không yêu cầu gì trong vụ án này và xin từ chối tham gia tố tụng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trương Thu Giang trình bày:*
Chị xác định anh Giang và chị An có nợ chị 150.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24k. Dù chị An không thừa nhận đúng số nợ nhưng do anh Giang đã chịu trách nhiệm đứng ra trả nợ cho chị nên chị không khởi kiện trong vụ án này, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn lại gồm:* Chị Lý Thị Mỹ Xuyên, anh Trương Hoàng Nhân, chị Trương Mộng Nghi, bà Nguyễn Thị Tiếng, ông Huỳnh Văn Khởi, bà Huỳnh Thị Liễu, bà Huỳnh Thị Đẹp, bà Lê Kiều Oanh, bà Nguyễn Mỹ Duyên, bà Thiều Thị Hà, ông Huỳnh Văn Puôl đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Phụng, ông Trương Văn Tiến, có yêu cầu xin từ chối tham gia tố tụng; Chị Lý Thị Mỹ Xuyên, anh Trương Hoàng Nhân, chị

Trương Ánh Phụng, chị Trương Mộng Nghi, bà Nguyễn Thị Tiếng, ông Huỳnh Văn Khởi, bà Huỳnh Thị Liễu, bà Huỳnh Thị Đẹp, bà Lê Kiều Oanh, bà Nguyễn Mỹ Duyên, bà Thiều Thị Hà, ông Huỳnh Văn Phuol đã được tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung: Anh An và chị Giang chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị An yêu cầu ly hôn, anh Giang đồng ý. Cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị An, cho chị An được ly hôn với anh Giang là phù hợp.

Về con chung: Chị An và anh Giang có 02 con chung tên Trương Gia Bảo (nam), sinh ngày: 28/11/2016 và Trương Gia Huy (nam), sinh ngày: 22/10/2019. Hiện tại, đang sống cùng với chị An. Khi ly hôn chị An yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Trương Gia Bảo và Trương Gia Huy, đồng thời yêu cầu anh Giang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả hai con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị An được anh Giang đồng ý. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là phù hợp, không trái quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị An và anh Giang xác định tài sản chung có 01 (Một) chiếc xe cuốc mang số hiệu Ex60. Hiện tại xe cuốc do anh Giang đang quản lý, sử dụng. Giá trị xe cuốc hiện tại còn lại khoảng 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Khi ly hôn, chị yêu cầu được phân chia cụ thể: chị An yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị xe cuốc tương đương 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), giao xe cuốc cho anh Giang tiếp tục quản lý, sử dụng. Yêu cầu của chị An được anh Giang đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị An và anh Giang, buộc anh Giang có nghĩa vụ giao cho chị An số tiền 150.000.000 đồng tương đương $\frac{1}{2}$ giá trị xe cuốc, anh Giang được hưởng hiện vật là chiếc xe cuốc mang số hiệu Ex60.

- Về nợ: Đối với các khoản nợ chị An và anh Giang đặt ra và thỏa thuận phân chia nghĩa vụ trả nợ gồm: nợ chị Lý Thị Mỹ Xuyên, anh Trương Hoàng Nhân, chị Trương Ánh Phụng, chị Trương Thu Giang, bà Dương Thị Hận, ông Trương Văn Tiến, bà Nguyễn Thị Tiếng, bà Đoàn Thị Diện, ông Huỳnh Văn Khởi, bà Huỳnh Thị Liễu, bà Huỳnh Thị Đẹp, bà Lê Kiều Oanh, bà Nguyễn Mỹ Duyên, bà Thiều Thị Hà, ông Huỳnh Văn Phuol và bà Nguyễn Thị Phượng. Tuy nhiên, do các đương sự không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Luân được chị An và anh Giang thừa nhận và đồng ý trả nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của ông Luân. Buộc chị An và anh Giang có nghĩa vụ trả cho ông Luân số tiền 116.000.000 đồng, mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 và điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị An phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng;

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Giang phải chịu 300.000 đồng;

Án phí dân sự sơ thẩm chị An phải chịu 850.000 đồng; anh Giang phải chịu 4.600.000 đồng; ông Luân không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 471 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 và điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh thủy An.

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thủy An được ly hôn với anh Trương Trường Giang.

2. Về con chung: Giao Trương Gia Bảo (nam), sinh ngày: 28/11/2016 và Trương Gia Huy (nam), sinh ngày: 22/10/2019 cho chị An tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Giang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Trương Trường Giang có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Giang có nghĩa vụ giao cho chị An số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); anh Giang được hưởng chiếc xe cuốn mang số hiệu Ex60.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Minh Luân. Buộc anh Giang và chị An mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Luân số tiền 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày chị An, ông Luân có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Giang và chị An chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh Giang và chị An còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ

được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. **Án phí:** Chị An phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm chị An phải chịu là 4.600.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.050.000 đồng (bao gồm tạm ứng án phí hôn nhân và tạm ứng án phí dân sự) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006835 ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, chị An còn phải nộp tiếp số tiền 850.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con anh Giang phải chịu 300.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm anh Giang phải chịu 4.600.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Huỳnh Ngọc Mai